

Nghiên cứu đã thực hiện các bước: kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach'Alpha, sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích nhân tố khẳng định CFA và cấu trúc tuyến tính SEM. Số biến đưa vào ban đầu là 40 biến có 7 nhóm. Qua thực hiện các bước phân tích các chỉ số cho thấy đều đạt độ tin cậy, đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo. Kết quả phân tích SEM có 11 biến tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ nghèo ở nông thôn tại thành phố Cần Thơ là: tạo sự đoàn kết gắn bó và các mối quan hệ gia đình tăng lên; thúc đẩy sự sáng tạo cho phụ nữ; tạo sự tự tin, tính tự chủ, thúc đẩy nhu cầu làm kinh tế gia đình; được tham gia các chương trình đào tạo từ địa phương; hỗ trợ phụ nữ có thể làm việc hoặc kinh doanh một cách độc lập; cải thiện hành vi chi tiêu của phụ nữ, giúp nâng cao cuộc sống gia đình và bản thân, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, có 4 biến: được giáo dục toàn diện; huy động sức mạnh của tập thể; tìm nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình; chương trình tín dụng vi mô là nguồn thu nhập hấp dẫn, được cho là có ý nghĩa quan trọng. Nhưng kết quả SEM cho thấy nó không tác động đến phát triển kinh tế hộ gia đình và vai trò của phụ nữ nghèo nông thôn tại Thành phố Cần Thơ.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực trạng đáng lo ngại hiện nay là khoảng cách phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, một bộ phận người nghèo nông thôn không tiếp cận được với chương trình tín dụng vi mô làm cho sự chuyển dịch lao động về các trung tâm kinh tế lớn có xu hướng tiếp tục tăng, điều này nảy sinh các vấn

# PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN TÍN DỤNG NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

TS. Đặng Thanh Sơn \*

đề xã hội và đó cũng là một thách thức lớn cần phải giải quyết của các cấp lãnh đạo. Song song đó, người phụ nữ vẫn đang gặp phải những khó khăn, đặc biệt là phụ nữ nông thôn đang đứng trước những thách thức: họ hoạt động ở mọi ngành nghề kể cả nặng nhọc và độc hại nhất, phải gánh vác công việc gia đình, đồng áng, chăm sóc và nuôi dạy con; không có điều kiện học tập và tham gia các hoạt động xã hội; khả năng tìm kiếm việc làm của họ khó khăn; nguy cơ nghèo khổ về thiếu việc làm, thu nhập thấp, không ổn định, bị phân biệt đối xử, chịu nhiều áp lực, không được bảo hiểm; sự phụ thuộc của người phụ nữ ở nông thôn ngày càng cao và chịu nhiều thiệt thòi.

Thời gian qua, tín dụng vi mô tại Việt Nam nói chung và Thành phố Cần Thơ nói riêng đã có những đóng góp tích cực, giúp cho những người nghèo và những nhóm người bị thiệt thòi mà phần đông là những phụ nữ nghèo ở nông thôn có cơ hội vượt qua những khó khăn thách thức để không ngừng vươn lên phát triển kinh tế gia đình, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương cũng như trong công cuộc giảm nghèo của đất nước.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Bài nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi cấu trúc để phỏng vấn trực tiếp phụ nữ nghèo nông thôn vay

vốn từ các chương trình tín dụng vi mô để trao đổi thu thập thông tin. Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để nghiên cứu, theo thứ tự tăng dần là: điểm 1 là hoàn toàn không đồng ý đến điểm 5 là rất đồng ý. Giá trị khoảng cách của thang đo được tính theo công thức như sau:

Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8

Theo đó, ý nghĩa giá trị trung bình như sau:

- 1,00 - 1,80: Hoàn toàn không đồng ý
- 1,81 - 2,60: Không đồng ý
- 2,61 - 3,40: Trung bình
- 3,41 - 4,20: Đồng ý
- 4,21 - 5,00: Rất đồng ý.

Nghiên cứu đã đưa vào 40 biến. Trong phân tích nhân tố, số quan sát phải đạt được ít nhất là gấp 5 lần số biến quan sát, (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Vậy cỡ mẫu cần thiết phải đạt được là  $5 \times 40 = 200$  quan sát. Đối với phân tích nhân tố khám phá EFA: Dựa theo nghiên cứu của Hair, Anderson, Tatham và Black (1998) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Theo đó, kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát. Nghiên cứu về cỡ mẫu do Roger thực hiện (2006) cho thấy cỡ mẫu tối thiểu áp dụng được trong các nghiên cứu thực hành là từ 150-200.

Cuối cùng, kích thước mẫu được tác giả lựa chọn trong bài nghiên cứu là 270 quan sát. Để số phiếu phỏng vấn thu được hợp lệ và đạt yêu cầu nghiên cứu, tác giả đã phát ra 320 phiếu phỏng vấn ở ba quận

\* Trường Đại học Kiên Giang

**Bảng 2.1: Phân phối mẫu khảo sát**

Tiêu chí	Quận, huyện			Tổng cộng
	Ô Môn	Thới lai	Cờ Đỏ	
Số quan sát	68	107	95	270
Tỷ lệ (%)	25,2	39,6	35,2	100

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

huyện, sau đó chọn lọc, loại ra những phiếu không đầy đủ thông tin để được 270 phiếu, đủ điều kiện nghiên cứu.

Phương pháp lấy mẫu:

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện phi xác suất, đối tượng khảo sát là phụ nữ nghèo, phụ nữ cận nghèo, phụ nữ có thu nhập thấp đã được vay vốn tín dụng tiết kiệm từ Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Thành phố Cần Thơ và các tổ chức tín dụng vi mô trên địa bàn quận Ô Môn, huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ của Thành phố Cần Thơ.

- Phân phối mẫu khảo sát:

Căn cứ vào số lượng đơn vị hành chính của mỗi quận, huyện số lượng quan sát được phân bổ như sau: (Bảng 2.1)

Qua bảng 2.1 ta thấy số quan sát phân bổ tương đối hợp lý cho các quận, huyện. Do đơn vị hành chính quận Ô Môn có 7 phường; huyện Thới Lai có 13 đơn vị xã, thị trấn; huyện Cờ Đỏ 10 xã, thị trấn.

## 2.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp phân tích

### 2.2.1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Là một phép kiểm định thống kê về mức độ chặt chẽ mà các mục hỏi trong thang đo tương quan với nhau. Phương pháp này được sử dụng để loại ra những biến rác không đạt chuẩn trước khi tiến hành phân tích nhân tố. Hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên thang đo sử dụng được và từ 0,8 đến 0,9 thang đo có độ tin cậy tốt. Các biến có hệ số tương quan biến tổng (Item total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại, đảm bảo bộ biến được đề xuất ban đầu phù hợp với đề tài nghiên cứu. (Hoàng Trọng &

Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

### 2.2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Phương pháp phân tích này giúp chúng ta đánh giá hai loại giá trị quan trọng của thang đo, đó là giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Phân tích nhân tố EFA thuộc nhóm phân tích đa biến phụ thuộc lẫn nhau (interdependence techniques), nghĩa là, không có biến phụ thuộc và biến độc lập, mà nó dựa vào mối tương quan giữa các biến với nhau (interrelationships). EFA dùng để rút gọn một tập k biến quan sát thành một tập F ( $F < k$ ) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Cơ sở của việc rút gọn này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến quan sát.

Trong phân tích nhân tố, phương pháp trích Principal Components Analysis đi cùng với phép xoay Varimax là cách thức được sử dụng phổ biến nhất, Mayers, L.S., Gamst, G., Guarino A.J. (2000). Theo Hair & ctg (1998, 111), Factor loading (hệ số tải nhân tố hay trọng số nhân tố) là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA:

- Factor loading > 0.3 được xem là đạt mức tối thiểu.

- Factor loading > 0.4 được xem là quan trọng.

- Factor loading > 0.5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn.

Điều kiện để phân tích nhân tố khám phá là phải thỏa mãn các yêu cầu: Hệ số tải nhân tố (Factor loading) > 0.5. Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là chỉ số được dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO lớn có ý nghĩa phân tích nhân tố là thích hợp ( $0.5 \leq KMO \leq 1$ ).

Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05), đây là một đại lượng thống kê dùng để xem xét giả thuyết các biến không có tương quan trong tổng thể. Nếu kiểm định này có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05) thì các biến quan sát có mối tương quan với nhau trong tổng thể. Phân trăm phương sai toàn bộ (Percentage of variance) > 50%: Thể hiện phần trăm biến thiên của các biến quan sát. Nghĩa là xem biến thiên là 100% thì giá trị này cho biết phân tích nhân tố giải thích được bao nhiêu %.

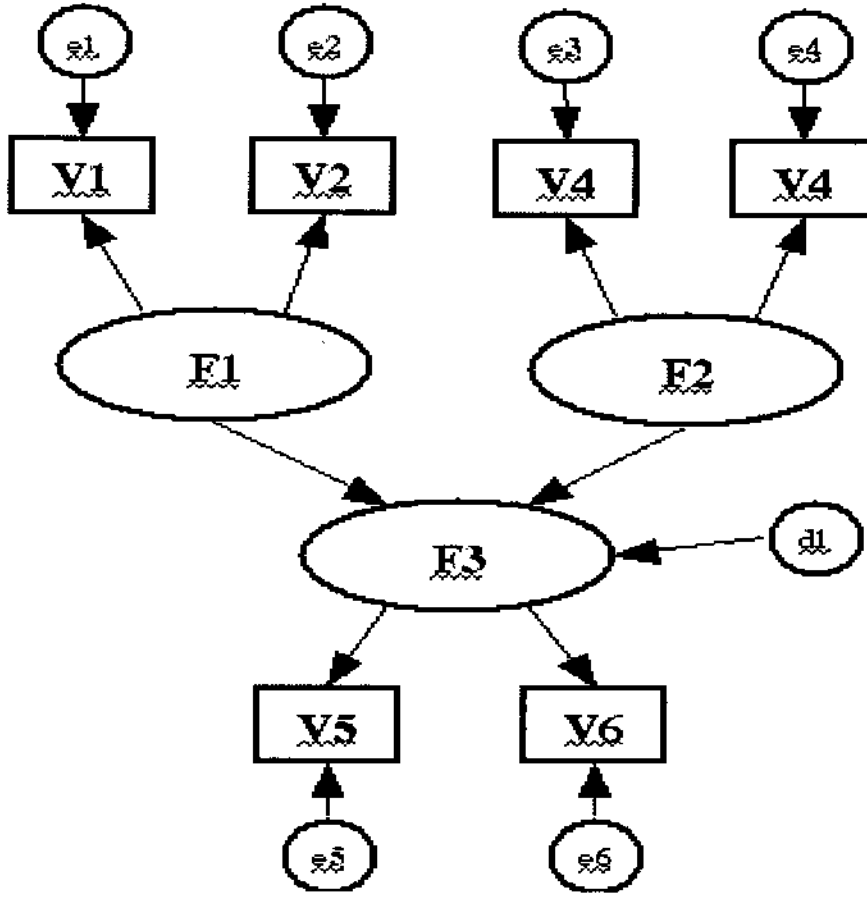
### 2.2.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA (Confirmatory Factor Analysis)

Phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis) là một trong các kỹ thuật cho phép kiểm định các biến quan sát (measured variables) đại diện cho các nhân tố (constructs) tốt đến mức nào. Với phần mềm AMOS (Analysis of Moment Structures) được dùng để thực hiện một phương pháp chung trong phân tích dữ liệu là Structural Equation Modeling (SEM - Mô hình cấu trúc tuyến tính). Trên mô hình này, cho ta biết các mối quan hệ và mức độ tác động của các biến độc lập đến các biến phụ thuộc được thể hiện một cách trực quan nên dễ hiểu, dễ phân tích.

CFA là bước tiếp theo của EFA vì CFA chỉ sử dụng thích hợp khi nhà nghiên cứu có sẵn một số kiến thức về cấu trúc tiềm ẩn cơ sở, trong đó, mỗi quan hệ hay giả thuyết (có được từ lý thuyết hay thực nghiệm) giữa biến quan sát và nhân tố cơ sở thì được nhà nghiên cứu mặc nhiên thừa nhận trước khi tiến hành kiểm định thống kê.

Bên cạnh đó, phân tích nhân tố khẳng định CFA cho phép kiểm định giá trị hội tụ, giá trị phân biệt của thang đo dễ dàng hơn mà không cần nhiều nghiên cứu như phương pháp truyền thống (Steenkamp & Van Trijp, 1991).

Hình 2.1: Mô hình SEM



Nguồn: Phạm Đức Kỳ, 2007

**2.2.4. Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling)**

Mô hình SEM là sự mở rộng của mô hình tuyến tính tổng quát (GLM), được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu khoa học và thường được minh họa bằng biểu đồ đường dẫn (sơ đồ đường dẫn), mô hình cấu trúc có dạng: (Hình 2.1)

Mô hình SEM, nó có thể được xem là sự kết hợp của phân tích nhân tố và hồi quy hay phân tích đường dẫn. SEM thật sự nó chỉ một cấu trúc của các hiệp tương quan (covariances - hiệp phương sai) giữa các biến được quan sát, các quan hệ này cho ra một tên khác là mô hình hóa cấu trúc hiệp tương quan (covariance structure modeling - mô hình cấu trúc hiệp phương sai).

SEM được sử dụng để kiểm định mô hình nghiên cứu đã đề xuất. Để

đo lường mức độ phù hợp của mô hình với dữ liệu, nghiên cứu này sử dụng bốn chỉ tiêu chính, đó là Chi-bình phương, chỉ số thích hợp so sánh CFI (Comparative Fit Index), chỉ số RMSEA (Root Mean Square Error Approximation). Nếu một mô hình nhận được giá trị CFI từ 0,9 đến 1, RMSEA có giá trị < 0,08 thì mô hình được xem là phù hợp với dữ liệu (Nguyễn Khánh Duy, 2009).

Kiểm định Chi-square được sử dụng để so sánh giữa 2 mô hình. Nếu kiểm định Chi-square cho thấy giữa mô hình bất biến và mô hình khả biến không có sự khác biệt (P-value > 0.05) thì mô hình bất biến sẽ được chọn (có bậc tự do cao hơn). Ngược lại, nếu sự khác biệt Chi-square là có ý nghĩa giữa hai mô hình (P-value < 0.05) thì chọn mô hình khả biến (có độ tương thích cao hơn). (Thọ & Trang, 2008, 208).

**2.2.5. Kiểm tra ước lượng mô hình bằng phương pháp Bootstrap**

Bootstrap là phương pháp lấy mẫu lặp lại có thay thế, trong đó, mẫu ban đầu đóng vai trò là đám đông. Từ đám đông (mẫu ban đầu) có n quan sát. Trong Bootstrap, máy tính sẽ chọn ra những mẫu khác N theo phương pháp lập lại, có thay thế. Mỗi mẫu lập lại có cùng quan sát với số quan sát ban đầu n, từ N mẫu này, có thể tính được trung bình của các ước lượng (các trọng số hồi quy...). Hiệu số giữa trung bình các ước lượng từ Bootstrap và các ước lượng ban đầu gọi là độ chệch. Trị số tuyệt đối của các độ chệch này càng nhỏ và không có ý nghĩa thống kê càng tốt.

- Nghiên cứu sử dụng mô hình SEM để kiểm tra sự phù hợp của các yếu tố và xác định các nhân tố tác động đến vai trò của phụ nữ trong việc sử dụng vốn tín dụng phát triển kinh tế hộ gia đình.

Thang đo: Đề tài sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ để đo lường các biến trong mô hình, cụ thể là từ 1 đến 5 theo quy ước đánh giá mức độ tăng dần từ “Rất không đồng ý” đến “Rất đồng ý”.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ trong việc sử dụng vốn tín dụng nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình tại thành phố Cần Thơ.

**3. PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN VAY ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha**

Nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn 270 phụ nữ nghèo đã vay vốn tại Thành phố Cần Thơ chia làm 8 nhóm có 40 biến. Qua kiểm định độ tin cậy của thang đo khuyến





Thời gian qua, tin dụng vì mô đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương cũng như trong công cuộc giảm nghèo của đất nước

khích với 38 biến được đưa vào, đã loại ra 04 biến không đủ điều kiện. Các nhóm biến còn lại có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Kết quả này cho thấy các thành phần của thang đo còn lại đều đảm bảo độ tin cậy.

Cụ thể, hệ số Cronbach's Alpha của các thành phần thang đo khuyến khích lần lượt là: Kỹ năng quản lý tài chính (0,758); khả năng sáng tạo (0,762); Tiết kiệm tích lũy (0,765); Tạo việc làm (0,664); Độc lập tự chủ trong công việc (0,668) và Ý thức tự vươn lên (0,702). Ngoài ra, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3. Như vậy 34 biến quan sát còn lại đều đạt yêu cầu để thực hiện những bước tiếp theo. (Bảng 3.1)

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy, trong 7 nhóm của thang đo khuyến khích được đưa vào, có 4/7 nhóm đạt độ tin cậy, có 1 nhóm bị loại (kngkiem1, kngkiem2) do hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0,6 ( $0,352 < 0,6$ ). Nhóm việc làm có 1 biến "vieclam3", nhóm độc lập có 1 biến "doclap3" có hệ số tương quan biến tổng lần lượt là 0,184 và  $0,256 < 0,3$  (Hair et al., 2006) nên bị loại ra khỏi mô hình.

**3.2. Kiểm định thang đo khuyến khích**

### 3.2.1. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Sau 19 lần EFA lần lượt loại các biến không đạt yêu cầu ra khỏi mô hình sangtao2 = 0,346; sangtao4 = 0,305; sangtao6 = 0,368; vieclam4 = 0,364; doclap2 = 0,372; tichluy3 = 0,321; quanly3 = 0,313; ythuc4 = 0,337; vieclam2 = 0,439; quanly4 = 0,448; sangtao3 = 0,426; vieclam1 = 0,484; tichluy4 = 0,470; ythuc2 = 0,478; quanly6 = 0,399; sangtao7 = 0,426; tichluy8 = 0,268; tichluy6 = 0,459; ythuc5 = 0,477. Kết quả EFA lần cuối (dừng lại ở lần 20) có 4 nhóm 15 biến:

Kiểm tra điều kiện của phân tích nhân tố, ta có KMO = 0,883 đạt yêu cầu, do lớn hơn 0,5 (Hair et al., 2006) và mức ý nghĩa kiểm định Sig. (Bartlett's Test) = 0,000 < 0,05 (Hair et al., 2006) cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố khám phá là thích hợp. Tổng phương sai trích được là 60,886 > 50% cho biết các nhân tố rút trích ra giải thích được 60,886% biến thiên của dữ liệu điều tra.

Tuy nhiên, các nhóm nhân tố rút trích được đã có sự xáo trộn thành phần so với các nhóm nhân tố được đề xuất ban đầu, cụ thể như sau:

- Nhân tố thứ nhất gồm 7 biến quan sát là q25, q49, q26, q52, q32, q39 và q57 nội dung 7 biến

này liên quan đến vấn đề về kỹ năng quản lý của phụ nữ nên nhân tố này được đặt tên là kỹ năng quản lý.

- Nhân tố thứ hai gồm 4 biến quan sát là q59, q45, q43, q62 liên quan đến nhu cầu làm kinh tế của phụ nữ để nâng cao cuộc sống, xây dựng gia đình hạnh phúc nên nhóm nhân tố này được đặt tên là nhu cầu.

- Nhân tố thứ ba gồm 2 biến q31 và q29 hai biến này liên quan đến giáo dục và sức mạnh của tập thể nên nhân tố này được đặt tên là giáo dục.

- Nhân tố thứ tư gồm 2 biến quan sát là q36 và q40 nội dung các biến này liên quan đến thu nhập của gia đình nên nhân tố này được đặt tên là thu nhập. (Bảng 3.3)

### 3.2.2. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định thang đo khuyến khích cho thấy mô hình có 84 bậc tự do, giá trị kiểm định chi-square là 164,551 với Pvalue = 0,000 < 0,001 và chi-square/df = 1,959 < 2. Ngoài ra, các giá trị khác như GFI = 0,925; TLI = 0,920; CFI = 0,936 đều lớn hơn 0,9 và RMSEA = 0,060 < 0,8. Các chỉ số này cho thấy mô hình đo lường đạt được độ tương thích với dữ liệu nghiên cứu. Hơn nữa, các trọng số chuẩn hóa đều đạt yêu cầu (>0,5) và đều có ý nghĩa thống kê (P-value = 0,000). Vì vậy các thang đo đều đạt được giá trị hội tụ.

Bảng 3.3 cho thấy kiểm định hệ số tương quan xét trên phạm vi tổng thể giữa các khái niệm có khác biệt so với 1, các hệ số đều nhỏ hơn 1 và đều có ý nghĩa thống kê (Pvalue đều nhỏ hơn 0,05). Vì vậy, các thành phần của thang đo động viên là "kỹ năng quản lý", "nhu cầu", "giáo dục", "thu nhập" đều đạt giá trị phân biệt. (Hình 3.1)

Bên cạnh đó, thang đo khuyến khích đạt được độ tin cậy khi các thành phần của thang đo này đều

**Bảng 3.1: Kết quả phân tích Cronbach's Alpha các biến quan sát thang đo khuyến khích**

	Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan biến tổng	Alpha nếu loại biến này	Hệ số Cronbach's Alpha
Quản lý	- Tạo sự đoàn kết gắn bó và các mối quan hệ gia đình tăng lên	quanly1	0,565	0,707	0,758
	Người phụ nữ nông thôn tham gia vào việc quản lý tài chính qua chương trình tín dụng	quanly2	0,532	0,716	
	Giúp phụ nữ phát triển kỹ năng quản lý tài chính	quanly3	0,552	0,714	
	Chương trình tín dụng vì mô giúp phát triển bản sắc tập thể tại địa phương và tự mình ý thức thực hiện	quanly4	0,417	0,740	
	Có được sự giáo dục toàn diện (kỹ năng, nghề nghiệp) qua chương trình tín dụng vì mô	quanly5	0,424	0,740	
	Phát triển nhận thức về sức khỏe và quyền của phụ nữ	quanly6	0,455	0,732	
	Huy động sức mạnh tập thể qua chương trình tín dụng vì mô	quanly7	0,392	0,744	
Sáng tạo	Thúc đẩy sự sáng tạo cho phụ nữ	sangtao1	0,510	0,728	0,762
	Sự quan tâm về lợi ích và tính độc lập tự gánh vác gia đình	sangtao2	0,542	0,720	
	Bổ sung thu nhập để phát triển kinh tế gia đình	sangtao3	0,406	0,748	
	Sự cần thiết của chương trình tín dụng vì mô trong việc hỗ trợ các gia đình	sangtao4	0,450	0,740	
	Chương trình tín dụng là nguồn thu nhập hấp dẫn	sangtao5	0,415	0,749	
	Đủ kỹ năng để thực hiện và sử dụng vốn vay từ chương trình	sangtao6	0,550	0,719	
	Nâng cao trình độ về quản lý, sử dụng vốn vay	sangtao7	0,509	0,728	
Tích lũy	Phụ nữ vay vốn quan tâm tính tự chủ (độc lập)	tichluy1	0,575	0,718	0,765
	Tìm nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình	tichluy2	0,424	0,747	
	Giúp phụ nữ duy trì sự hài hòa trong gia đình	tichluy3	0,545	0,725	
	Nâng cao uy tín của người phụ nữ trong xã hội	tichluy4	0,510	0,732	
	Tạo sự tự tin cho phụ nữ	tichluy5	0,407	0,749	
	Khả năng tích lũy nguồn vốn cho gia đình	tichluy6	0,384	0,753	
	Thúc đẩy nhu cầu làm kinh tế của gia đình	tichluy7	0,358	0,757	
	Giảm sự phân biệt giới tính trong gia đình	tichluy8	0,492	0,735	
Việc làm	Tạo việc làm cho các thành viên trong gia đình	vieclam1	0,453	0,592	0,664
	Giải quyết việc làm và môi trường làm việc mới cho người lao động tại phương	Vieclam2	0,387	0,633	
	Được tham gia chương trình đào tạo từ địa phương	Vieclam3	0,464	0,590	
	Giúp phụ nữ có năng lực để sử dụng những kỹ năng, tài năng riêng	Vieclam4	0,490	0,566	
Độc lập	Hỗ trợ phụ nữ có thể làm việc hoặc kinh doanh một cách độc lập	doclap1	0,507		0,668
	Sử dụng hết khả năng lao động của bản thân trong công việc	Doclap2	0,507		
Ý thức	Cải thiện hành vi chỉ tiêu của phụ nữ	ythuc1	0,410		0,702
	Nuôi dạy và chăm sóc con em tốt hơn	ythuc2	0,540		
	Giúp nâng cao cuộc sống gia đình và bản thân	ythuc3	0,399		
	Tạo sự khác biệt đáng kể trong đời sống kinh tế xã hội của phụ nữ	ythuc4	0,420		
	Không tham gia vào các tệ nạn xã hội	ythuc5	0,450		
	Xây dựng gia đình hạnh phúc	ythuc6	0,400		

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.2: Kết quả EFA thang đo khuyến khích phụ nữ**

Biến quan sát	Ký hiệu	Nhóm nhân tố			
		1	2	3	4
Tạo sự đoàn kết gắn bó và các mối quan hệ gia đình tăng lên	q25	0,815			
Được tham gia chương trình đào tạo từ địa phương	q49	0,796			
Phụ nữ tham gia vào quản lý tài chính qua chương trình tín dụng vì mô	q26	0,732			
Hỗ trợ phụ nữ có thể làm việc hoặc kinh doanh một cách độc lập	q52	0,731			
Thúc đẩy sáng tạo cho phụ nữ	q32	0,703			
Phụ nữ vay vốn quan tâm tính tự chủ độc lập	q39	0,700			
Cải thiện hành vi chỉ tiêu của phụ nữ	q57	0,661			
Giúp nâng cao cuộc sống gia đình và bản thân	q59		0,771		
Thúc đẩy nhu cầu làm kinh tế của gia đình	q45		0,714		
Tạo được sự tự tin cho phụ nữ	q43		0,710		
Xây dựng gia đình hạnh phúc	q62		0,632		
Huy động sức mạnh tập thể qua chương trình tín dụng vì mô	q31			0,772	
Có được sự giáo dục toàn diện (kỹ năng, nghề nghiệp) qua chương trình tín dụng vì mô	q29			0,691	
Chương trình tín dụng là nguồn thu nhập hấp dẫn	q36				0,718
Tìm nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình	q40				0,709

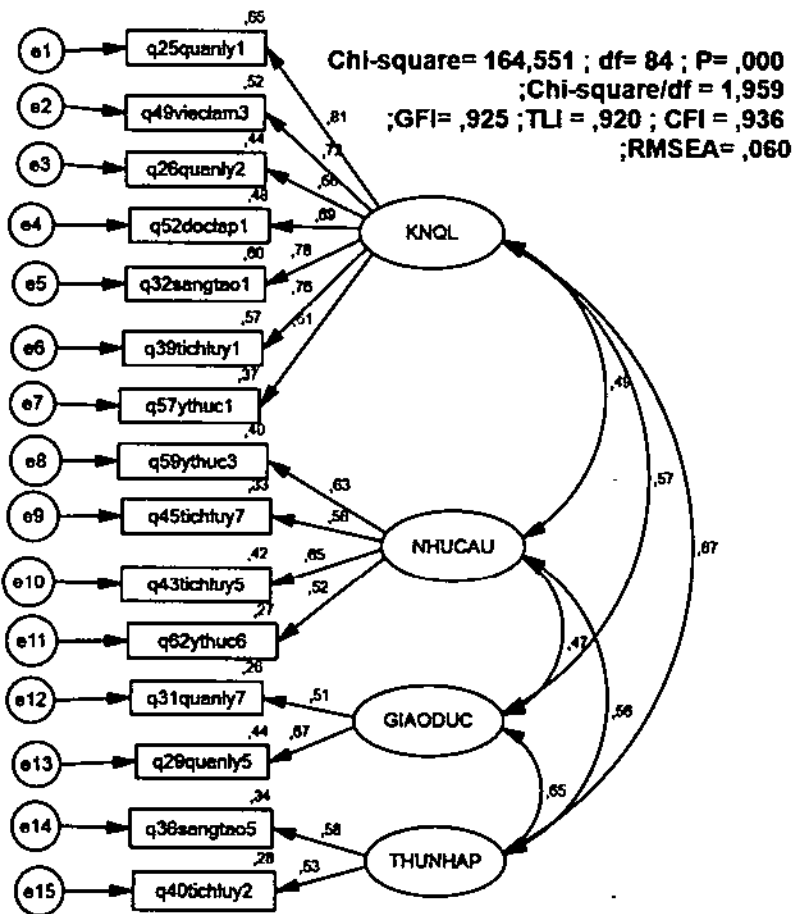
Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.3: Kết quả kiểm định giá trị phân biệt giữa các thành phần của thang đo khuyến khích**

Mối quan hệ	R	SE	CR	P Value
KNQL <-> NHUCAU	0,082	0,018	4,562	0,000
KNQL <-> GIAODUC	0,169	0,033	5,119	0,000
KNQL <-> THUNHAP	0,146	0,030	4,922	0,000
NHUCAU <-> GIAODUC	0,095	0,024	3,907	0,000
NHUCAU <-> THUNHAP	0,083	0,021	3,945	0,000
GIAODUC <-> THUNHAP	0,174	0,040	4,348	0,000

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Hình 3.1: Kết quả CFA (đã chuẩn hóa) của thang đo khuyến khích**



Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.4: Tóm tắt kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo khuyến khích**

Thành phần	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
Quản lý	04	0,758
Sáng tạo	02	0,762
Tích lũy	04	0,765
Việc làm	01	0,664
Độc lập	01	0,668
Y thức	03	0,702

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.5: Kết quả phân tích Cronbach's Alpha của biến quan sát thang đo phát triển kinh tế hộ gia đình**

Biến quan sát	Ký hiệu	Tương quan biến tổng	Alpha nếu loại biến này	Hệ số Cronbach Alpha
Đóng góp vào sự phát triển kinh tế hộ gia đình	Phattrien1	0,499		0,664
Góp phần giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo	Phattrien2	0,499		

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

có hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6. Cụ thể như sau: Bảng 3.4

Kết quả CFA cho thấy, các thành phần của thang đo khuyến khích đạt được giá trị hội tụ, độ tin cậy và thỏa mãn điều kiện về giá trị phân biệt.

**3.2.3. Kiểm định thang đo khuyến khích và phát triển (Bảng 3.5)**

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha đối với khái niệm phát triển kinh tế hộ gia đình cho thấy 02 biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và bằng nhau là 0,499; hệ số Cronbach's Alpha là 0,664, KMO and Bartlett's Test là 0,5 (0,5 <= KMO <= 1), tổng phương sai trích là 74,943% nên thang đo này có thể sử dụng được. (Hình 3.2)

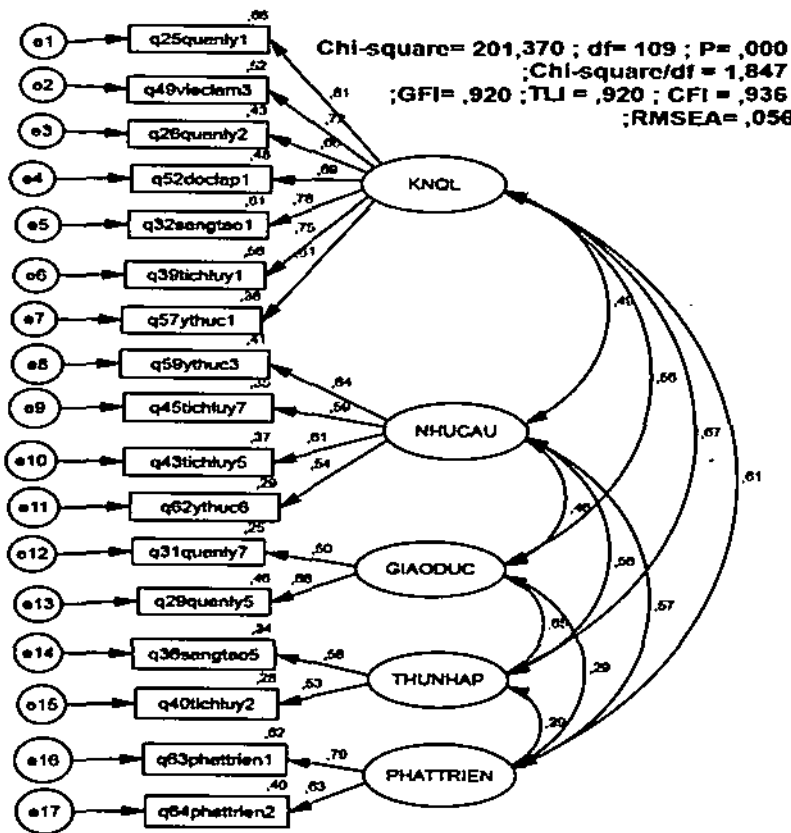
Kết quả các chỉ số cho ta thấy mô hình đo lường đạt được độ tương thích với dữ liệu nghiên cứu, các trọng số chuẩn hóa đều đạt yêu cầu (>0,5) và đều có ý nghĩa thống kê. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định thang đo khuyến khích (hình 5.20) cho thấy mô hình có 109 bậc tự do, giá trị kiểm định chi-square là 201,370 với Pvalue = 0,000 < 0,001 và chi-square/df = 1,847 < 2, ngoài ra các giá trị khác như GFI = 0,920; TLI = 0,920; CFI = 0,936; và RMSEA = 0,056. Vì vậy, các thang đo này đều đạt giá trị hội tụ.

**3.2.4. Phân tích sự tác động của khuyến khích đến phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ nghèo tại Thành phố Cần Thơ.**

Sau khi phân tích CFA thang đo khuyến khích và phát triển. Phân tích SEM sẽ được sử dụng nhằm xác định mối quan hệ giữa khuyến khích và sự phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ. Kết quả phân tích SEM lần 1: (Hình 3.3) (Bảng 3.6)

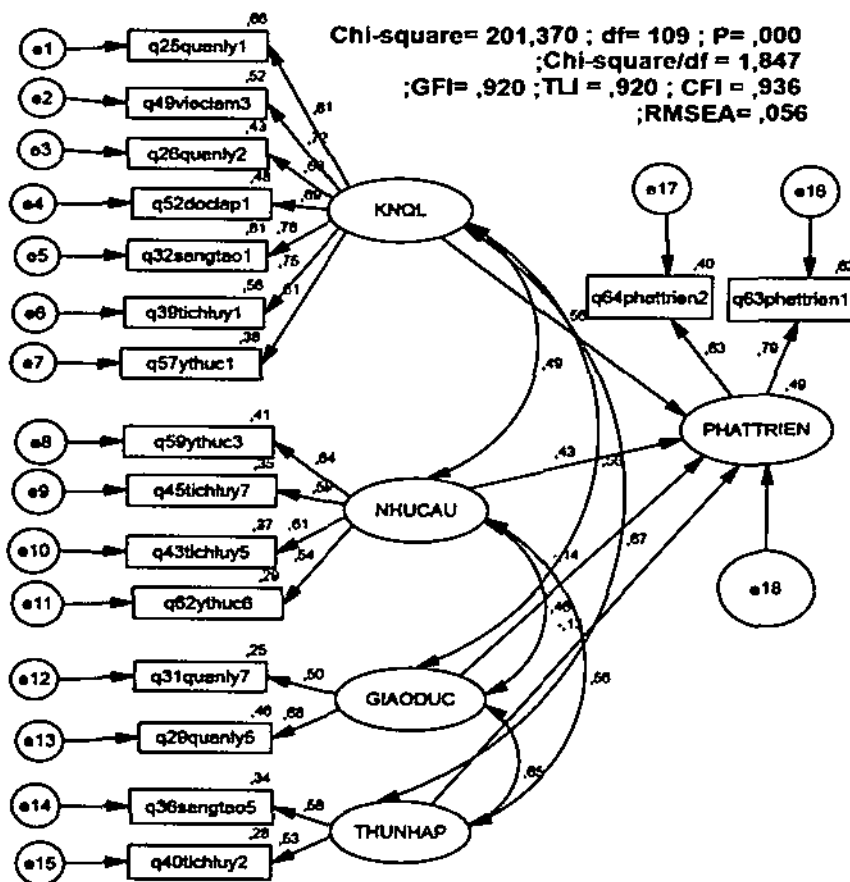
Nhìn vào Bảng 3.6 số liệu cho ta thấy Kỹ năng quản lý và Nhu cầu có ý nghĩa thống kê vì P- value < 0,1. Giáo dục và Thu nhập không

Hình 3.2: Kết quả CFA (đã chuẩn hóa) của thang đo khuyến khích và phát triển



Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

Hình 3.3: Kết quả SEM lần 1



Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 90% vì P-value > 0,1 (P-value NHUCAU = 0,532; P= value GIAODUC= 0,383).

Kết quả này cho ta thấy kỹ năng quản lý và nhu cầu làm kinh tế có tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình. Vì những hoạt động này sẽ kích thích tinh thần làm kinh tế gia đình của phụ nữ nghèo ở nông thôn, từ đó, tạo thu nhập cho gia đình, tạo cho phụ nữ sự tự tin hơn vào bản thân mình, giảm đi sự phụ thuộc, vượt qua khó khăn và tự vươn lên trong cuộc sống. Bên cạnh đó, giáo dục và thu nhập cũng là hai yếu tố quan trọng nhưng chỉ giúp phụ nữ nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc để cuộc sống gia đình tốt hơn, chứ nó không phải là nhân tố quan trọng tạo thu nhập để phát triển kinh tế gia đình. Kết quả SEM lần cuối như sau: (Hình 3.4) (Bảng 3.7)

Mô hình ở hình 3.4 có thể nói là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu vì Chi-square = 1,919 (< 2), GFI = 0,939; TLI = 0,942; CFI = 0,954; RMSEA = 0,058 (< 0,08).

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy P-value của Nhu cầu và Kỹ năng quản lý đều bằng 0,000 < 0,05 nên các biến này có ý nghĩa thống kê và thật sự ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của hộ gia đình. Các trọng số chuẩn hóa đều dương (NHUCAU = 0,361; KNQL = 0,430), nên các biến Nhu cầu và Kỹ năng quản lý ảnh hưởng tỷ lệ thuận đến Phát triển kinh tế của hộ gia đình. Trong đó, Kỹ năng quản lý tác động mạnh nhất vì trị tuyệt đối của trọng số chuẩn hóa của nó là 0,430 kể đến là Nhu cầu 0,361.

3.2.5. Kiểm định Bootstrap

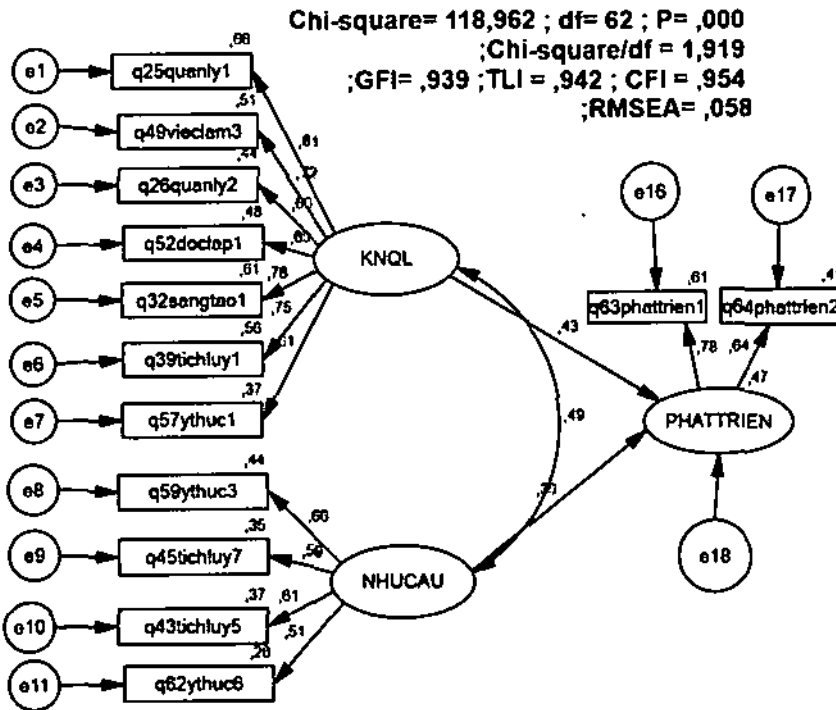
Để đánh giá các ước lượng trong mô hình nghiên cứu có đáng tin cậy hay không cũng như các hệ số hồi quy trong mô hình có được ước lượng tốt hay không, phương pháp kiểm định Bootstrap sẽ được thực hiện. Với dữ liệu của mẫu ban

**Bảng 3.6: Đánh giá độ tin cậy các ước lượng trong mô hình nghiên cứu**

Regression Weight	Estimate	S.E.	C.R.	P-value
PHATTRIEN < -- KNQL	0,473	0,119	3,972	0,000
PHATTRIEN < -- NHUCAU	0,530	0,158	3,347	0,000
PHATTRIEN < -- GIAODUC	-0,094	0,108	-0,873	0,383
PHATTRIEN < -- THUNHAP	-0,124	0,199	-0,625	0,532

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Hình 3.4: Kết quả phân tích SEM lần 3.**



Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.7: Kết quả phân tích SEM lần 3:**

Regression Weight:	Estimate	S.E.	C.R.	P-value
PHATTRIEN < -- NHUCAU	0,464	0,138	3,366	0,000
PHATTRIEN < -- KNQL	0,371	0,085	4,356	0,000

Standardized Regression Weights	Estimate
PHATTRIEN < -- NHUCAU	0,361
PHATTRIEN < -- KNQL	0,430

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 Phụ nữ vay vốn tại Thành phố Cần Thơ, 2016

**Bảng 3.8: Kết quả kiểm định Bootstrap**

	Estimate	SE	SE-SE	Mean	Bias	SE-Bias	CR
PHATTRIEN < -- NHUCAU	0,361	0,216	0,006	0,343	-0,018	0,010	1,8
PHATTRIEN < -- KNQL	0,430	0,177	0,006	0,445	0,015	0,008	1,9

Nguồn: Số liệu khảo sát 270 PNVV tại TPCT, 2016

đầu là 270 mẫu, ví dụ ta lấy 500 mẫu khác theo phương pháp lập lại và có thay thế.

Bảng 3.8 cho ta thấy cột Estimate cho ta thấy ước lượng bình thường với phương pháp ML. Tuy nhiên, cột CR cho ta thấy độ chệch của nó từ 1,8 - 1,875 = 1,9 nhỏ hơn 2, nên độ chệch nhỏ và không có ý

nghĩa thống kê ở độ tin cậy 95%. Như vậy, ta có thể kết luận các ước lượng trong mô hình có thể tin cậy được.

**3.3. Kiểm định giả thuyết**

Mô hình ban đầu được đưa ra có 6 giả thuyết, sau khi thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích EFA, CFA và SEM thì các

biến trong mô hình có sự thay đổi so với mô hình được đưa ra ban đầu. Kết quả như sau:

- Giả thuyết H1: Kỹ năng quản lý tài chính của nhóm phụ nữ tiết kiệm có mối quan hệ trực tiếp đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Kết quả phân tích SEM cho ta thấy ở nhóm nhân tố này có 2 biến tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình là tạo sự đoàn kết gắn bó và các mối quan hệ gia đình tăng lên. Ngoài ra, có 2 biến được giáo dục toàn diện và huy động sức mạnh tập thể được cho là rất quan trọng, nhưng kết quả SEM cho thấy nó có tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, vì Pvalue = 0,383 > 0,1.

- H2: Sự sáng tạo của phụ nữ có tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Nhóm nhân tố này có 1 biến tác động cùng chiều đến phát triển kinh tế hộ gia đình là "thúc đẩy sự sáng tạo cho phụ nữ". Bên cạnh có 1 biến được nhiều phụ nữ quan tâm là "chương trình tín dụng là nguồn thu nhập hấp dẫn". Nhưng kết quả SEM cho thấy nó không tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình.

- H3: Phụ nữ tiết kiệm tích lũy vốn sẽ có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Ở nhóm nhân tố này, có 3 biến tác động cùng chiều đến sự phát triển kinh tế gia đình của phụ nữ nông thôn là phụ nữ vay vốn quan tâm tính tự chủ (độc lập), tạo sự tự tin cho phụ nữ và thúc đẩy nhu cầu làm kinh tế gia đình, vì P value = 0,000 < 0,1. Tuy nhiên, có 1 biến rất quan trọng là tìm nguồn thu nhập bổ sung cho gia đình, nhưng kết quả cuối cùng cho thấy nó không có tác động tích cực đến phát triển kinh tế gia đình, vì P value = 0,532 > 0,1.

- H4: Hoạt động vay vốn tín dụng có góp phần giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho các thành



viên trong hộ gia đình của phụ nữ tại Thành phố Cần Thơ. Trong nhóm này, có 1 biến tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình là được tham gia chương trình đào tạo từ địa phương. Các biến còn lại khi thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã bị loại ra, nên nó không có tác động đến phát triển kinh tế hộ gia đình.

- H5: Tin dụng vi mô giúp phụ nữ độc lập, tăng tính tự chủ phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Trong nhóm này, có 1 biến tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình là hỗ trợ phụ nữ có thể làm việc hoặc kinh doanh một cách độc lập. Hai biến còn lại khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã bị loại ra, nên nó không có tác động đến phát triển kinh tế hộ gia đình.

- H6: Kinh nghiệm và ý thức có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Trong nhóm Kinh nghiệm, khi thực hiện kiểm định hệ Cronbach's Alpha = 0,352 < 0,6 và hệ số tương quan biến tổng đều bằng 0,214 < 0,3, nên đã loại ra khỏi mô hình. Nhóm ý thức có 3 biến rất quan trọng là cải thiện hành vi chỉ tiêu của phụ nữ; giúp nâng cao cuộc sống gia đình và bản thân; xây dựng gia đình hạnh phúc. Kết quả phân tích SEM cho thấy nó tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình. Hai biến còn lại đã bị loại ra khỏi mô hình, nên nó không tác động đến phát triển kinh tế hộ gia đình.

### 3.4. Kết quả phân tích SEM

Kết quả phân tích SEM cho ta thấy tín dụng vi mô đã khuyến khích phụ nữ phát huy những kỹ năng quản lý và nhu cầu làm kinh tế gia đình và nó có ảnh hưởng tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ nghèo ở nông thôn tại Thành phố Cần Thơ. Cụ thể như sau:

- Kỹ năng quản lý có ảnh hưởng

tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ nghèo ở nông thôn tại Thành phố Cần Thơ

- Nhu cầu làm kinh tế có tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình của phụ nữ nghèo nông thôn tại Thành phố Cần Thơ.

- Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ.

### 4. Kết luận

Bài nghiên cứu tập trung nghiên cứu tác động các tác nhân vai trò phụ nữ trong quản lý, sử dụng nguồn vốn vay tín dụng và sự tiến bộ của phụ nữ nghèo ở nông thôn thông qua vay vốn tín dụng tiết kiệm, để thấy được vai trò quan trọng của phụ nữ nghèo ở nông thôn trong phát triển kinh tế hộ gia đình tại Thành phố Cần Thơ. Hoạt động vay vốn tín dụng tiết kiệm đã khuyến khích cho phụ nữ nghèo nông thôn làm kinh tế gia đình, ổn định cuộc sống. Dựa trên cơ sở lý thuyết và phân tích kết quả nghiên cứu có thể đi đến những kết luận như sau:

- Kỹ năng quản lý tài chính của nhóm phụ nữ tiết kiệm đã tạo cho phụ nữ sự đoàn kết gắn bó và các mối quan hệ gia đình tăng lên. Với cách quản lý giám sát việc sử dụng vốn giữa các thành viên với nhau, cùng cộng đồng trách nhiệm với đồng vốn vay và cùng được hưởng lợi khi các thành viên thực hiện tốt quy chế của nhóm. Hoạt động này đã tạo sự gắn kết giữa các thành viên, từ đó hỗ trợ nhau làm kinh tế gia đình tạo thu nhập.

- Thúc đẩy sự sáng tạo cho phụ nữ có tác động tích cực đến phát triển kinh tế hộ gia đình. Từ hoạt động hỗ trợ vốn vay giúp phụ nữ thay đổi tư duy, sáng tạo trong công việc, chuyển đổi cách làm để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Phụ nữ vay vốn quan tâm tính tự chủ, tạo sự tự tin cho phụ nữ và thúc đẩy nhu cầu làm kinh tế gia đình. Thông qua hoạt động vốn

vay giúp phụ nữ chủ động hơn trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế gia đình, tự tin vào bản thân và thúc đẩy ý chí vươn lên làm kinh tế để thoát nghèo.

- Ngoài ra, hoạt động vay vốn giúp phụ nữ được tham gia chương trình đào tạo từ địa phương để học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, tích lũy kinh nghiệm, chăm sóc gia đình và bản thân tốt hơn...■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Hoàng Thị Thanh Huyền, 2011. Phụ nữ Cần Thơ với chương trình tài chính vi mô "Bàn tay vàng", Tài chính vi mô Việt Nam, bản tin số 17- tháng 8/2011
3. Mã Bình Phú và Lê Trần Thiên Ý, 2014. Nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia phát triển kinh tế của PN nghèo thành phố Cần Thơ" Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí khoa học, phần D: Khoa học Chính trị, kinh tế và pháp luật: 30 (2014): 60-65.
4. Nguyễn Kim Anh và các tác giả, 2011. Tài Chính vi mô với giảm nghèo tại Việt Nam - Kiểm định và so sánh. Nhà xuất bản Thống kê.
5. Nguyễn Đăng Dờn, 2005. Tiến bộ ngân hàng. Nxb Thống kê, TP.Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Bích Vương, 2011. Vai trò của hoạt động tài chính vi mô đối với hiệu quả xã hội, Tài chính vi mô Việt Nam, bản tin số 17- tháng 8/2011
7. Nguyễn Đức Chiến, 2011. Hiệu quả từ quỹ tín dụng vi mô và giảm nghèo cho nhóm xã hội yếu thế. Nghiên cứu lập pháp. Văn phòng Quốc hội, Số 13/2011, tr. 43 - 47.
8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2012. Hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam.
9. Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ, 2016. Báo cáo hoạt động vay vốn của Ngân hàng CSXH TP Cần Thơ năm 2010 -2016.
10. Niên giám thống kê TPCT, 2016.
11. Phạm Ngọc Nhân, Sử Kim Anh và Lê Trần Thanh Liêm, 2014. Khảo sát "Vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế hộ trên địa bàn huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang". Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí khoa học 2014: 106-113.
12. Quyển Đĩnh Hà và các cộng sự, 2006. "Nghiên cứu đánh giá về vai trò của phụ nữ trong nông nghiệp và phát triển nông thôn tại xã Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ, Hưng Yên" Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
13. Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP Cần Thơ, 2016. Báo cáo hoạt động của Sở Lao động Thương binh và Xã hội năm 2016.
14. Võ Khắc Tường, Trần Văn Hoàng (2013), Tài chính vi mô tại một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm nhằm hạn chế đói nghèo tại Việt Nam, Phát triển và hội nhập số 9(19)- Tháng 03-04/2013.